

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2022/HS-ST

Ngày: 13-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Mai Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Quân

2. Bà Trang Thị Cẩm Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2022/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03 /2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Văn P, Giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; sinh năm 1988 tại huyện T, tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: không biết chữ; con ông Trần Văn P1, sinh năm 1949 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956 (còn sống); anh chị em ruột: 04 người, kể cả bị cáo (Lớn nhất sinh năm 1984; nhỏ nhất sinh năm 1996); vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 01/9/2022 đến ngày 07/9/2022 chuyển tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện T (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bị hại: Ông Trần Văn C, sinh năm 1976;

Bà Võ Thị Bích P, sinh năm 1978;

Cùng nơi cư trú: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Người làm chứng:

1/ Anh Phạm Thanh G, sinh năm 2001 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2/ Anh Trần Văn T, sinh năm 1996 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 31/8/2022, khi bị cáo Trần Văn P đang ở nhà của ông Trần Văn C và bà Võ Thị Bích P, cùng ngụ Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh thì có thương lái mua bán lúa là vợ chồng bà Bành Thị C1, ngụ ấp Đ, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long đến nhà ông C để đổi chiếu sổ mua bán lúa và trả tiền mua bán lúa cho vợ chồng ông C.

Sau khi đổi chiếu sổ xong, bà C1 đưa cho vợ chồng ông C 24 cọc tiền, với tổng số tiền 547.970.000 đồng, trong đó mỗi cọc tiền có ghi số ký lúa, số tiền và tên người bán lúa trên tờ giấy nhỏ, màu vàng, rồi cột lại bằng sợi dây thun nhằm thuận tiện trong việc trả tiền cho các chủ lúa. Sau khi tính tiền xong, bà P bỏ 24 cọc tiền vào túi nylon, màu trắng, rồi đem cất vào trong cốp xe mô tô, hiệu Honda, kiểu Future, biển kiểm soát 84H1-208.08, màu đen, khi đó có bị cáo ngồi ở trên giường bên cạnh xem. Sau đó, vợ chồng ông C có tổ chức uống bia gồm có vợ chồng ông C, con ông C là Trần Tuấn A, ngụ cùng ấp Ng, Ng, vợ chồng bà C1 và bị cáo. Khi uống hết một thùng bia thì nghỉ uống nên vợ chồng bà C1 đi về, còn ông C và bị cáo ngồi lại để tính tiền ngày công cho bị cáo, trả cho bị cáo số tiền 3.200.000 đồng. Sau khi có tiền, bị cáo mua lại 01 (một) chiếc xe mô tô, kiểu Wave, màu đỏ, biển kiểm soát 61Z1-6639, đã qua sử dụng của anh Trần Văn B, ngụ cùng ấp với giá 2.000.000 đồng.

Đến khoảng hơn 19 giờ cùng ngày, bị cáo điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 61Z1-6639 đi mua bia và trái cây hết số tiền 200.000 đồng để đến nhà của anh Phạm Thanh G, ngụ cùng ấp (bà con bạn dì với bị cáo) để rủ anh G uống bia. Sau khi đến nhà của anh G thì bị cáo và anh G ngồi uống bia trước hàng ba nhà sau của anh G.

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, trong lúc uống bia thì bị cáo nhìn thấy ông C chạy xe mô tô, hiệu Honda, kiểu Future, biển kiểm soát 84H1-208.08, màu đen, đến chòi của ông C, cặp bên hông nhà của anh G để cho bò uống nước nên bị cáo đi ra đứng chỗ hàng ba nhà trước của anh G kêu ông C qua nhậu nhưng không nghe ông C trả lời, bị cáo đi vào và cho anh G đi qua chòi ông C để kêu ông C nên anh G cũng đi qua đứng hàng ba nhà trước kêu và ông C nói xong việc sẽ qua nên anh G đi vào nói cho bị cáo biết. Sau đó, bị cáo và anh G ngồi uống bia được một lúc nhưng vẫn không thấy ông C qua nên bị cáo một mình đi bộ từ nhà anh

G qua chòi ông C để kêu ông C qua uống bia. Khi bị cáo đi đến cổng hàng rào chòi ông C, bị cáo phát hiện xe mô tô, biển kiểm soát 84H1-208.08 của ông C để bên ngoài cổng hàng rào cấp đường đaml. Lúc này, bị cáo nhớ lại việc bà P cất túi nylon đựng tiền trong cốp xe mô tô nên bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm tiền để tiêu xài. Do không có chìa khóa xe mở cốp xe nên bị cáo dùng một tay nâng cốp xe lên, một tay thò vào trong cốp xe, bị cáo kéo đại một cọc tiền từ trong cốp xe ra nên túi nylon bị rách và lấy được 01 (một) cọc tiền. Sau đó, bị cáo ném bỏ miếng nylon màu trắng nhỏ trên đường đaml, còn cọc tiền bị cáo cất giấu vào túi quần đang mặc rồi bị cáo đi vào nhà anh G ngồi uống bia tiếp. Một lúc sau, ông C chạy xe đến nhà anh G, uống được vài ly bia thì ông C đi về trước, còn bị cáo và anh G cũng nghỉ uống. Sau đó, bị cáo một mình điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 61Z1-6639 đến thị trấn T để tiếp tục uống bia. Khi điều khiển xe đến đoạn đường nhựa lớn (không xác định được địa điểm cụ thể do trời tối và không có đèn chiếu sáng) thì bị cáo dừng xe lại và lấy cọc tiền vừa trộm được của ông C ra tháo bỏ sợi dây thun và ném bỏ miếng giấy màu vàng nhưng do sơ ý bị cáo làm rơi cọc tiền xuống đường, bị cáo xuống xe nhặt lên đủ hay không thì bị cáo không biết vì trời tối và bị cáo cũng không kiểm tra, không đếm số tiền được bao nhiêu. Sau đó, bị cáo cất cọc tiền vào túi quần và điều khiển xe đi đến thị trấn T để uống bia. Sau khi uống bia xong, bị cáo điều khiển xe đi về nhà thuộc Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh để ngủ. Khi về đến nhà, em của bị cáo là anh Trần Văn T, ngụ cùng ấp, ra mở cửa và anh T hỏi bị cáo “Anh có lấy tiền của người ta không mà tối đến giờ người ta gọi điện, đi kiếm anh kìa ?” nhưng bị cáo không trả lời mà đi vào nhà ngủ.

Đến khoảng 06 giờ ngày 01/9/2022, khi bị cáo thức dậy, bị cáo nói cho anh T biết về việc bị cáo đã lấy trộm một cọc tiền của vợ chồng ông C hỏi tối qua và anh T đã vận động đưa bị cáo đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T để đầu thú và giao nộp lại số tiền mà bị cáo đã lấy trộm còn lại là 22.000.000 đồng.

Riêng bị hại ông Trần Văn C sau khi uống được vài ly bia, ông C đi về nhà thì phát hiện túi nylon đựng tiền bị rách lỗ, có 02 cọc tiền nằm bên ngoài túi nylon nên bà P kêu ông C cùng kiểm tra lại tất cả các cọc tiền thì phát hiện bị mất 01 cọc tiền tên V với số tiền 23.369.000 đồng, ông C nghi ngờ bị cáo lấy trộm nên trình báo Công an xã N để xác minh làm rõ. Qua làm việc, bị cáo Trần Văn P đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Tại Cáo trạng số 41/CT-VKS-HS ngày 15 tháng 11 năm 2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Trần Văn P về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên toà, bị cáo Trần Văn P đã khai, thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố. Trong quá trình tiến hành tố tụng tại cơ quan điều tra bị cáo không bị bức cung, không bị cưỡng ép, lời khai của bị cáo là tự giác, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Sau khi tranh tụng công khai, phân tích nội dung vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự 2015 tuyên bố bị cáo Trần Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn P từ 09 đến 12 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ bị cáo 01/9/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận số tiền còn lại là 22.000.000 đồng và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định xử lý vật chứng, đồ vật, tài liệu: trả lại số tiền 22.000.000 đồng cho bị hại ông Trần Văn C và bà Võ Thị Bích P nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Văn P thống nhất với quan điểm luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, không tranh luận với Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo Trần Văn P: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện T. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[2] Về hành vi và tội danh của bị cáo Trần Văn P:

Xét lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên

tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Ngày 31/8/2022 bị cáo Trần Văn P có hành vi lén lút lấy trộm số tiền 23.369.000 đồng trong cốp xe mô tô Honda Future biển kiểm soát 84H1-208.08, màu đen của ông Trần Văn C và bà Võ Thị Bích P, tài sản bị cáo Trần Văn P lấy trộm là cốp tiền trị giá 23.369.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định trong Bộ luật Hình sự. Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đánh giá nội dung vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố bị cáo, kết luận và đề nghị tuyên bố bị cáo Trần Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 là có căn cứ, không oan sai đối với bị cáo.

[3] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang lo sợ cho mọi người trong việc quản lý tài sản. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Trần Văn P có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu trách nhiệm do hành vi phạm tội gây ra. Vì vậy cần phải áp dụng hình phạt đối với bị cáo như đề nghị của Viện đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ, mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Văn P:

Bị cáo không có tiền án, không có tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, gây thiệt hại không lớn và tài sản được thu hồi giao trả lại cho người bị hại; bị cáo đầu thú, không biết chữ; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự theo như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ. Mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được áp dụng, nhưng do bản tính liều lĩnh, tham lam của bị cáo vì muốn có tiền tiêu xài mà không cần phải bỏ công sức lao động, để răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội nên cần phải cho bị cáo một mức án có thời hạn nhất định, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trần Văn P đã giao nộp số tiền 22.000.000 đồng. Do bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định xử lý vật chứng, đồ vật, tài liệu

bằng hình thức trả lại số tiền 22.000.000 đồng cho ông Trần Văn C và bà Võ Thị Bích P theo quy định pháp luật nên Hội Đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T về hình phạt, vật chứng vụ án và án phí là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn P 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn phạt tù được tính từ ngày 01/9/2022.

2. Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định xử lý vật chứng, đồ vật, tài liệu bằng hình thức trả lại số tiền 22.000.000 đồng cho ông Trần Văn C và bà Võ Thị Bích P theo quy định pháp luật nên Hội Đồng xét xử không xem xét.

3. Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 7c và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Công an huyện T;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS (...)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Đã ký